

TÌM HIỂU VỀ CHỨC DANH GIÁM MỤC TRONG GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VÀ Ý NGHĨA MỘT SỐ HUY HIỆU CỦA GIÁM MỤC VIỆT NAM

LÊ ĐỨC HẠNH^(*)

G iám mục, theo tiếng Anh là các từ *Episcopacy*, *Episcopate* và *Episcopal*, có gốc từ chữ *Episkopos* của tiếng Hy Lạp. Những từ này có nghĩa là/thuộc các giám mục, là người cai quản, người chăm sóc; là chế độ giám mục quản lý nhà thờ⁽¹⁾.

Trong Kinh Tân Ước từ *Episkopos* xuất hiện năm lần tại các sách: Công vụ các Sứ đồ 20. 28; Thư gửi tín hữu ở Philippi 1.1; Thư thứ nhất gửi Timothy 3. 2; Thư gửi Titus 1.7-9; Thư thứ nhất của Peter (*Phêrô* hoặc *Phi-e-rô*) 2.25⁽²⁾. Theo sách *Công vụ các Sứ đồ* thì chức danh giám mục được nhắc đến như người chăn bầy và hình ảnh này được tin dùng phổ biến ngày nay.

Trong hệ thống chức sắc của Giáo hội Công giáo Rôma thì giám mục là chức danh được lựa chọn và chỉ định bởi Giáo hoàng. Đây là một vị trí quyền lực trong Giáo hội, bởi các giám mục là những người trực tiếp cùng với Giáo hoàng chia sẻ quyền lực của Giáo hội trên toàn cầu và cùng nhau hợp thành Giáo hội Công giáo Rôma. Giám mục cũng là người có quyền phong chức giám mục, phong linh mục, phó tế, quyền chấp nhận lời khấn Dòng của các tu sĩ, đồng thời có quyền ban tất cả các bí tích cho các tín đồ Công giáo. Từ đầu thế kỷ I sau Công nguyên,

khi Hội thánh khởi sự kiện toàn tổ chức thì vai trò của chức danh giám mục càng ngày càng trở nên quan trọng.

Trong lịch sử, tại mỗi giai đoạn khác nhau, ở mỗi trung tâm truyền giáo của Hội thánh có một giám mục lãnh đạo cùng một hội đồng gồm nhiều chấp sự. Hội đồng này có vị trí thấp hơn giám mục. Khi Hội thánh phát triển, giám mục cử các trưởng lão⁽³⁾ và các chấp sự của mình đến những nhà thờ mới ở thành phố quan trọng hay những vùng phụ cận, ở đó các trưởng lão và các chấp sự giúp giám mục các công việc mục vụ. Vai trò của giám mục được thay đổi từ chỗ chỉ quản lý một nhà thờ đã chuyển sang quản lý nhiều nhà thờ trong một khu vực địa lý. Đến cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III, vai trò của giám mục được nâng lên và trở thành “chức sắc cao cấp với chức năng

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển Anh - Việt*. tr. 546.

2. Theo: http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1m_m%E1%BB%A5c.

3. Trưởng lão: Thuật ngữ Trưởng Lão đến từ Hi văn *presbyteros*, nghĩa là “bậc trưởng thượng”, ngụ ý những người được tôn trọng trong cộng đồng và thường không tính đến tuổi tác. Thể chế trưởng lão phổ biến trong cộng đồng Kháng Cách, phỏng theo mô hình của cuộc cải cách tại Thụy Sĩ, Anh quốc, Tô Cách Lan và Ái Nhĩ Lan, do đó các giáo hội cải cách chấp nhận thể chế trưởng lão thay vì thể chế giám mục thường được gọi chung là Giáo hội Trưởng Lão.

hiến tế và quyền tha tội”⁽⁴⁾. Sang thế kỉ IV, sau *Chiếu chỉ Milano*⁽⁵⁾ thì thẩm quyền và mục vụ giám mục thường được hành xử trong phạm vi một giáo phận, theo mô hình của Đế quốc La Mã thời trị vì của Diocletian.

Vào thời Giáo hoàng Leo I (thế kỉ V) và Giáo hoàng Gregory I (thế kỉ VI), ở Phương Tây, Giáo hội đã hành xử thẩm quyền trong các vấn đề hành chính. Cả hai đều giữ vai trò là các chính khách và nhà lãnh đạo tối cao của Hội thánh với các mục vụ Cơ Đốc như mục tử, giảng đạo và cai quản Hội thánh. Còn ở Phương Đông, các giám mục không có cơ may để thu đoạt quyền lực thế tục như ở Phương Tây, nơi mà giám mục vương quyền nắm giữ thẩm quyền dân sự suốt thời kì Trung cổ. Trong các giám mục vương quyền thì Giáo hoàng là người tối cao, trị vì vương triều của Nhà nước Giáo hoàng (Papal States) trong cương vị Giám mục thành Roma. Nhà nước Giáo hoàng bị bãi bỏ khi thành La Mã bị Victor Emmanue II hoàn tất công cuộc thống nhất Italia năm 1870. Đây chính là nguyên nhân gây ra tình trạng căng thẳng thường xuyên giữa các giáo hoàng với chính quyền Italia. Đến năm 1929, lãnh thổ Vatican được độc lập dựa trên thoả ước giữa Giáo hoàng Pius XI và chính quyền của Benito Mussolini với hoà ước Lateran. Hoà ước Lateran công nhận vương quyền độc lập của Giáo hoàng và thẩm quyền này được duy trì cho tới ngày nay. Ở thời Trung cổ, các giám mục vừa là người giữ cương vị cao cấp về mặt đạo, đồng thời phục vụ các vua chúa Châu Âu trong cương vị tể tướng, người đứng đầu ngành tư pháp, và tuyên úy trưởng. Hầu hết các quan chưởng ấn (Lord Chancellor) của triều đình Anh đều do các giám mục đảm nhiệm. Chỉ đến thời vua Henry VIII khi Hồng y Thomas Wolsey bị bãi chức thì hiện tượng này mới chấm dứt. Ở Ba Lan

cũng tương tự khi các Kancler cũng được các giám mục nắm giữ cho đến tận thế kỉ XVI. Với nước Pháp, giới tăng lữ mà chủ yếu là giám mục là một thành phần trong Thượng viện của Quốc hội. Và thành phần này chỉ bị huỷ bỏ khi Cách mạng Pháp nổ ra, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế (1789). Khác biệt với nước Pháp, các giám mục trong Nghị viện Anh vẫn tiếp tục duy trì vị trí của mình ở Thượng viện. Ví dụ, Giám mục Giáo phận Durham, vừa là giám mục vương quyền đồng thời thi hành thẩm quyền dân sự ở phía Bắc của Giáo phận như quyền thành lập quân đội, quyền đúc tiền, thu thuế, v.v... Với một số giáo hội Chính Thống giáo Đông phương thì giám mục không được phép nắm giữ các chức vụ công quyền. Tuy nhiên, cũng có những ngoại lệ khi chính trường hỗn loạn thì giám mục nắm quyền. Điển hình của trường hợp này là Tổng Giám mục Makarios III của Sip trở thành Tổng thống Cộng hoà Cyprus gần hai thập niên trong những năm 60, 70 thế kỉ XX⁽⁶⁾.

Trong thời kì Nội chiến ở Anh, giám mục tham gia vào các vấn đề chính trị và bảo vệ quốc giáo. Tuy nhiên, vai trò này cũng là đề tài gây ra nhiều tranh luận khi John Calvin - người xây dựng học thuyết Trưởng Lão (Presbyterianism), lập luận rằng, trong Thánh Kinh Tân Ước chức vụ trưởng lão (Presbyter) và giám mục (Episkopos) là một. Học thuyết Trưởng Lão khởi sự tranh chấp quyền lực giữa Quốc hội và Vương quyền Anh.

4. Theo: http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1m_m%E1%BB%A5c.

5. Chiếu chỉ Milano năm 313, đánh dấu sự chấm dứt việc bách hại hội thánh. Khi Giáo hội trở nên một thực thể được công nhận thì cần có những tài sản như đất đai và hệ thống chức sắc. Năm 391, Theodius I ra lệnh hoàn trả tất cả đất đai của Giáo hội đã bị tịch biên trước đó.

6. Tổng Giám mục Makarios III của Sip làm Tổng thống Cộng hoà Cyprus từ 1960 - 1977.

Một số người trong Giáo hội Anh giáo tìm cách huỷ bỏ thể chế giám mục và cấu trúc giáo hội theo thể chế Trưởng Lão. Đại diện cho trường phái này là Martin Marprelate, người làm cho Nữ hoàng Anh Elizabeth I và Tổng Giám mục thành Canterbury là John Whitgift nổi giận. Còn vua Anh thì lại chấp nhận khẩu hiệu “Không có giám mục, không có vua” như là một động thái phản ứng lại những lăng mạ của thần dân Scotland theo Trưởng Lão. Điều này được hiểu như là sự đồng nhất thẩm quyền giám mục với vương quyền, cũng có nghĩa là mọi sự phản bác quyền giám mục tức là phản bác vào vương quyền, chống lại nhà vua. Thời điểm 1639-1640 là thời điểm Tổng Giám mục Canterbury - William Laud, tấn công phong trào Trưởng Lão và tìm cách áp đặt nghi thức Anh giáo lên tất cả các giáo hội, nhưng thất bại. Sang thời kì Cộng hòa, thể chế giám mục bị huỷ bỏ dưới sự lãnh đạo của Oliver Cromwell (1649). Đến năm 1660, dưới sự trị vì của vua Charles II thì thể chế này mới được khôi phục.

Trong khi nhiều giáo hội thuộc cộng đồng Kháng Cách⁽⁷⁾ bác bỏ vị trí của giám mục trong cấu trúc lãnh đạo giáo hội, thì một số giáo hội bắt rễ sâu trong truyền thống vẫn duy trì việc tấn phong giám mục để lãnh đạo giáo hội. Giám mục thủ giữ vai trò lãnh đạo trong các giáo hội Công giáo, Chính Thống giáo Đông phương, Cộng đồng Anh giáo và các giáo hội Công giáo Độc lập⁽⁸⁾. Nhưng về cơ bản thì vai trò của giám mục trong truyền thống vẫn là người chăn chiên (Pastor)⁽⁹⁾. Ở nhiều quốc gia, diện tích và dân số của các giáo phận có sự khác nhau, những giáo phận lâu đời thì nhỏ hẹp, như các giáo phận vùng Địa Trung Hải; còn các giáo phận mới phát triển như khu vực Hạ Sahara ở Châu Phi, Nam Mỹ và vùng Viễn Đông thì rộng lớn và đông giáo dân hơn.

Giám mục là địa vị danh dự, cao quý trong hệ thống chức sắc của Giáo hội Công giáo. Khi được tấn phong giám mục thì có thể giữ những chức vụ khác nhau như tổng giám mục, giám mục miền (Metropolitan bishop), giám mục phó (Suffragan bishop), giám mục hiệu toà (Titular bishop), giám mục cao cấp, hồng y hay Thượng phụ⁽¹⁰⁾.

7. Thuật từ Kháng Cách có nguồn gốc từ tiếng Latin *protestatio*, nghĩa là công bố, được dùng để chỉ thư kháng nghị của các vương hầu (hoặc tuyển đế hầu – *elector*) và đại biểu các thành phố thuộc Thánh chế La Mã chống lại nghị quyết của Nghị viện Speyer năm 1529, nghị quyết này khẳng định lập trường của Nghị viện Worm chống lại cuộc Cải cách Kháng Cách. Lúc ấy, người ta gọi những người ủng hộ thư kháng nghị và lập trường cải cách là kẻ phản kháng. Từ đó, thuật từ Kháng Cách, bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau, được dùng để chỉ Cơ Đốc giáo Phương Tây không công nhận thẩm quyền của Giáo hoàng. Trong ý nghĩa rộng lớn hơn, tên gọi Kháng Cách dùng để chỉ các giáo hội khác nhau, tách khỏi Công giáo do chịu ảnh hưởng của Martin Luther và John Calvin, người lãnh đạo một cuộc cải cách tôn giáo khác tại Geneve, Thụy Sĩ, cũng là người khởi xướng phong trào Calvinist.

Tại Việt Nam, danh xưng Tin Lành thường được dùng để chỉ một nhóm các giáo phái khởi phát từ cuộc cải cách tôn giáo bắt đầu vào thế kỉ XVI bởi Martin Luther. Luther là tu sĩ Dòng Augustine, mục tiêu ban đầu của ông là kêu gọi cải cách từ bên trong Giáo hội Công giáo La Mã, về sau ông tách khỏi Công giáo và thành lập Giáo hội Luther. Trong khi đó tại Châu Âu, nhiều người có quan điểm tương tự như của Luther cũng bắt đầu tách khỏi Công giáo và thành lập các giáo phái khác nhau. Họ được gọi dưới một tên chung là Kháng Cách, hay Tân giáo (để phân biệt với cựu giáo là Công giáo). Kháng Cách được xem là một trong ba nhánh chính của Cơ Đốc giáo, cùng với Công giáo và Chính Thống giáo Đông phương.

8. Theo: http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1m_m%E1%BB%A5c.

9. Pastor có nghĩa trong tiếng Anh là người cố vấn tinh thần, mục đồng.

10. Phần định nghĩa này được trích dẫn trong từ điển mở Wikipia. Ngoài ra có tham khảo thêm trong các tác phẩm sau:

- Trương Bá Cần: *Công đồng Vatican II: Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1995.

- Hồng Lam: *Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hôm nay*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1969.

- *Nghi thức phong thánh: Giám mục, linh mục, phó tế*. Trung tâm Kỹ thuật trẻ Lâm Đồng, 1991.

Tổng Giám mục là giám mục tại một tổng giáo phận. Thường là giáo phận có nhiều đặc quyền, thủ giữ vị trí quan trọng trong lịch sử giáo hội địa phương. Trong Giáo hội Công giáo Rôma, chức danh này có tính danh dự và không hành xử thẩm quyền đặc biệt nào, mặc dù hầu hết các tổng giám mục là giám mục miền hoặc giám mục giáo đô (*Metropolitan Bishop*). Ngược lại, trong Cộng đồng Anh giáo, tổng giám mục là một chức vụ có thẩm quyền.

Giám mục Miền là tổng giám mục cai quản một khu vực rộng lớn hoặc một nhóm các giáo phận. Đôi khi chức danh này cũng là người đứng đầu một nhà thờ tự quản.

Giám mục phó (*Suffragan Bishop*) là chức danh dưới quyền tổng giám mục Miền (*Metropolitan*). Trong Giáo hội Công giáo Rôma, chức danh này dành cho tất cả các giám mục giáo phận và giám mục phụ tá (*Diocesan and Auxiliary Bishop*). Trong Cộng đồng Anh giáo, chức danh này áp dụng cho người phụ tá giám mục giáo hạt: Một số giám mục phụ tá của Anh giáo được giao nhiệm vụ cai quản một khu vực thuộc giáo hạt.

Giám mục Hiệu toà (*Titular Bishop*) là giám mục không có giáo phận. Chính xác hơn, vị giám mục này đứng đầu một giáo phận chỉ có trên danh nghĩa (*Titular See*), thường là một thành phố cổ đã từng có giám mục, vì lí do nào đó nay không còn. Giám mục Hiệu toà thường phục vụ như một giám mục phụ tá.

Giám mục phụ tá là những người giúp giáo phận nhưng không có quyền kế vị. Giám mục phụ tá hầu hết là giám mục hiệu toà, được bổ nhiệm làm tổng quản nhiệm (*Vicar General*) giáo phận.

Giám mục phó được bổ nhiệm với quyền kế vị, luôn luôn được giám mục

giáo phận bổ nhiệm làm Tổng Đại diện. Việc bổ nhiệm chức danh này nhằm mục đích bảo đảm sự liên tục trong cơ cấu lãnh đạo giáo hội.

Giám mục Cao cấp (*Primate*) thường là giám mục của giáo hội lâu đời nhất tại một quốc gia. Đôi khi, chức danh này có quyền hạn cao hơn giám mục miền, nhưng thường là một chức vụ danh dự. Tước hiệu Giám mục Lãnh đạo (*Presiding Bishop*) dành cho người lãnh đạo Giáo hội Anh giáo tại một quốc gia nhưng không luôn luôn ràng buộc với một giáo hạt.

Hồng y dù không nhất thiết là giám mục⁽¹¹⁾, nhưng thường là giám mục cao cấp (*Primate*), thượng phụ (*Patriarch*) hoặc giám mục hiệu toà trong Giáo hội Công giáo Rôma.

Thượng phụ là người đứng đầu một vài giáo hội độc lập cổ. Một số gọi chức danh này là *Catholico*, Thượng phụ Chính Thống giáo tại Alexandria, Ai Cập được gọi là Giáo hoàng.

Theo giáo luật Công giáo thì những người đã thụ phong linh mục có thể được tấn phong thành giám mục. Khi Giáo hoàng cho phép thì linh mục được tấn phong thành giám mục bởi các giám mục, thường thì từ hai hoặc ba giám mục tham gia việc tấn phong. Theo thể chế giám mục, chỉ có giám mục mới có quyền tấn phong giám mục, linh mục hoặc chấp sự (*Deacon*). Giáo hội cũng quy định mọi sự tấn phong giám mục mà không có sự phê chuẩn của Giáo hoàng thì bị vạ tuyệt thông tiền kết với cả người được phong và người tham gia phong chức. Ngoài quyền tấn phong của các giám mục, còn có những cách khác trong các giáo hội khác nhau để chọn ứng viên cho chức giám mục. Trong Giáo hội Công giáo Rôma ngày nay, Bộ Giám mục

11. Như trường hợp hai nhà thần học Dòng Tên: Henri de Lubac và Avery Dulles.

(*Congregation for Bishops*) xem xét việc tuyển chọn tân giám mục để Giáo hoàng phê chuẩn. Giáo hoàng, ngoài chức danh Giám mục Rôma và lãnh tụ Giáo hội Công giáo Rôma, còn là Thượng phụ Giáo hội Công giáo Latin. Các giám mục Giáo hội Công giáo Latin chỉ chịu trách nhiệm trước Giáo hoàng và tổng giám mục là thượng cấp trực tiếp của họ.

Từ trước thập niên 90 của thế kỉ XX, việc tấn phong giám mục trên toàn cầu chỉ dành cho nam giới. Tuy nhiên, một số giáo phận thuộc Cộng đồng Anh giáo đã khởi sự tấn phong nữ giám mục. Nữ giám mục đầu tiên là Barbara Clementine Harris, được tấn phong năm 1989 thuộc Cộng đồng Anh giáo.

Trong Giáo hội Công giáo Việt Nam hiện nay có 98 vị giám mục. Linh mục Việt Nam đầu tiên được phong giám mục là J. B. Nguyễn Bá Tòng, tấn phong ngày 11/6/1933. Linh mục được tấn phong giám mục gần đây nhất là Phêrô Nguyễn Văn Khảm và Lôrenô Chu Văn Minh, cùng được tấn phong ngày 15/10/2008⁽¹²⁾. Thông thường mỗi linh mục khi được phong chức giám mục, phụ trách 1 giáo phận nào đó, đều chọn cho mình một khẩu hiệu đường hướng và lấy đó như là một mục tiêu để hoạt động cho cộng đồng mà họ đang phục vụ. Ví dụ, khẩu hiệu của Giám mục Lôrenô Chu Văn Minh là “Phục vụ trong bác ái”; của Giám mục Giuse Võ Đức Minh là “Ngài đã yêu thương họ đến cùng”; hay của Giám mục Giuse Đặng Đức Ngân là: “Đến với muôn dân”, v.v... Huy hiệu của giám mục thông thường được quy định bởi Giáo hội với mũ và dây tua. Mũ ở trên thánh giá, dây tua thả xuống hai bên với ba tầng “gù”, nếu là Tổng Giám mục thì sẽ có bốn tầng “gù”, ở giữa là hình chữ nhật, bên trong đặt biểu tượng và bên dưới là khẩu hiệu mà mỗi giám mục tự chọn.

Đối với mỗi giám mục, huy hiệu của họ mang những ý nghĩa khác nhau. Với huy hiệu của Giám mục Lôrenô Chu Văn Minh có bàn tay nâng trái tim có thánh giá ở giữa, khẩu hiệu là “Phục vụ trong bác ái”.



Huy hiệu này có ý nghĩa như sau:

1. Trái tim:

Trái tim biểu hiện cho tình yêu, ở đây mang ý nghĩa tình yêu của Thiên Chúa thể hiện bằng thánh giá ở trung tâm trái tim.

2. Bàn tay:

Hình ảnh bàn tay tượng trưng cho hành động, việc làm. Tình yêu được diễn tả qua những cử chỉ, hành vi thực tế. Người Công giáo tin thác đó là bàn tay sáng tạo mạnh mẽ và uy quyền của Thiên Chúa. Đó là bàn tay nhân ái thực hiện những hành vi yêu thương. Đức Giêsu là Chúa và là Thầy đã đến không phải để được phục vụ mà để phục vụ và thí mạng sống mình vì đoàn chiên. Và đó cũng là bàn tay những người tín hữu, đặc biệt là giám mục, sau khi chịu phép Thánh Tẩy, phải là cánh tay nối dài của Đức Kitô, tiếp tục thực hiện tác vụ bác ái trên đường đời.

3. Mũ và dây tua:

Mũ và dây tua là biểu tượng của chức giám mục. Giám mục qua bí tích truyền chức thánh, đón nhận nơi tâm hồn mình đức ái mục tử của Đức Kitô. Như các tông đồ xưa, giám mục được kêu gọi và sai đi

12. Nguồn: Hội đồng Giám mục Việt Nam. Website: <http://hgdgmvietnam.org>

loan báo Tin Mừng và đem ơn cứu độ đến cho mọi người. Thánh Augustino định nghĩa toàn bộ thừa tác vụ giám mục như là tác vụ tình yêu. Ngài còn nói: “Cứ yêu đi, rồi làm gì hãy làm”. Với người Kitô hữu thì Đức ái như đá thử vàng, Đức ái thánh hóa và biến mọi việc bình thường trở nên cao quý. Thừa tác phục vụ đòi hỏi nơi giám mục lòng nhân từ và nhân nại, biết cảm thông và chạnh thương trước những khổ đau tâm hồn và thể xác của con người; có tinh thần bao dung và tha thứ để diễn tả trọn vẹn khuôn mặt gương mẫu của Đức Giêsu, Mục Tử Nhân Lành. Đức ái Kitô giáo tuy cao quý, nhưng chỉ có thể chinh phục được người đời khi nó được thực thi bằng những nghĩa cử yêu thương hàng ngày.

4. Mầu sắc:

Ba mầu xanh, nâu, đỏ tượng trưng cho Thiên - Địa - Nhân. Hai gam màu nóng lạnh, tuy tương phản nhưng lại tạo nên một tổng thể hài hòa. Cũng vậy, tinh thần “Phục vụ trong đức ái” sẽ nối kết những khác biệt, đối nghịch, cải hóa và canh tân toàn thể xã hội, khiến con người tràn trề sức sống, an bình, tươi vui, hạnh phúc.

5. Thánh giá:

Cây Thánh giá kép được kết bằng cây tre, cành trúc, biểu hiện tính cách Việt Nam đơn sơ, mộc mạc, thẳng thắn, trung thực, nghĩa tình.

Như thế, giám mục là thừa tác viên được Chúa Giêsu sai đi để rao giảng Tin Mừng, sẵn sàng phụng sự tha nhân, nhất là những người cùng khổ thiếu thốn. Những chứng tá bác ái và công việc từ nhân đó được thể hiện bằng sự thánh thiện, khiêm tốn và vui vẻ trong cuộc sống hàng ngày⁽¹³⁾.

Còn huy hiệu của Giám mục Đặng Đức Ngân:



Huy hiệu này mang ý nghĩa:

1. Trời xanh mầu hi vọng: ước mong luôn chan chứa tin yêu bước theo chân Thầy Chí Thánh và các bậc cha anh trên núi rừng Cao Bằng-Lạng Sơn.

2. Sao thắm hương hoa hồng: ước mong luôn ngược mắt cây trông Mẹ Maria hiền mẫu, ngôi sao sáng cuối trời.

3. Núi cao hồn mở rộng: ước mong luôn mở rộng tấm lòng để đón nhận mọi tâm hồn, mọi lối sống, không phân biệt, cách chia.

4. Đường xa bước trung thành: ước mong một đời vẫn tin trung, luôn đồng hành cùng mọi người vui bước.

5. Đồng xanh vang tiếng gọi: ước mong luôn tin tưởng, cây trông vị Mục Tử Nhân Lành sẽ đưa đoàn chiên thánh đến đồng cỏ ngát xanh⁽¹⁴⁾, v.v...

Như vậy, có thể nói, với mỗi biểu tượng và khẩu hiệu tự chọn cho mình, các giám mục đã thể hiện tấm lòng và nguyện vọng dâng hiến của họ cho cuộc đời tu hành, sẵn sàng hi sinh để phục vụ cho đức tin của cộng đoàn dân Chúa. Và, ngược lại, các tín đồ Công giáo trong giáo phận theo khẩu hiệu của giám mục trực tiếp coi sóc họ mà sốt sắng chăm lo đến đời sống đức tin của mình làm sao để không lỗi đạo. /.

13. Trích theo “Ý nghĩa huy hiệu của Giám mục Chu Văn Minh” đăng trên Website: www.giaophanhanoi.vn, ngày 7/11/2008.

14. Trích theo “Ý nghĩa huy hiệu của Giám mục Giuse Đặng Đức Ngân” đăng trên Website: www.catholic.org, ngày 7/11/2008.